TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2026
Về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Quang Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Thanh Hải
2. Bà Triệu Thị Xuân
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ngô Thuý Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 62/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Cam Thị H, sinh ngày 12/4/1994;
Số định danh cá nhân: 024194012747.
Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Bắc Ninh.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Âu Lê T, sinh ngày 18/02/1995;
Số định danh cá nhân: 019095003777.
Nơi cư trú: Xóm L, xã D, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn - Chị Cam Thị H trình bày:
- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Â Lê T kết hôn năm 2024, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại xóm L, xã D, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung và không thể hoà giải được. Đỉnh điểm vào giữa tháng 01/2026 anh T có hành vi bạo lực khiến chị bị chấn thương phải đi viện, từ đó đến nay chị đã về nhà ngoại ở và sống ly thân anh T. Nay chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Âu Ngọc Phương L, sinh ngày 25/8/2024. Hiện nay con đang ở với anh T.

Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định.

Tại bản tự khai, Bị đơn - Anh Âu Lê T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định việc kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bảy là đúng. Nay chị H đề nghị ly hôn anh cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Âu Ngọc Phương L, sinh ngày 25/8/2024. Hiện nay con đang ở với anh.

Khi ly hôn anh muốn được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự đến trình bày bản tự khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tại phiên hòa giải, các bên thống nhất thuận tình ly hôn; thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung và án phí theo nội dung chị H đã trình bày. Tuy nhiên sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải, anh Âu Lê T tự ý rời khỏi phiên hòa giải và không ký vào biên bản. Do đó việc hòa giải không thành, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

****Về tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, BLTTDS 2015; Bị đơn cơ bản thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015, tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do.

****Về nội dung:*** Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cam Thị H, cho chị Cam Thị H được ly hôn anh Âu Lê T.

- Về con chung: Giao con chung là Âu Ngọc Phương L, sinh ngày 25/8/2024 cho chị Cam Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

(Có bài phát biểu chi tiết lưu trong hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, con chung", bị đơn anh Âu Lê T đăng ký thường trú tại xóm L, xã D, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại phiên hòa giải, các đương sự thống nhất về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Âu Lê T không ký vào biên bản hòa giải, do đó hòa giải không thành, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên toà cho anh Â Lê T tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Chị Cam Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với lý do chị đang đi làm ăn xa không về tham gia phiên tòa được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 177; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Cam Thị H và anh Â Lê T.

2. Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cam Thị H và anh Â Lê T kết hôn năm 2024 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã D, tỉnh Thái Nguyên. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Đặc biệt vào tháng 01/2026, anh T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H khiến chị phải đi điều trị tại bệnh viện, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân.

HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cam Thị H và anh Â Lê T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, hai bên không còn tìm thấy sự đồng điệu, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Xét yêu cầu ly hôn của chị Cam Thị H là có cơ sở chấp nhận, cho chị Cam Thị H được ly hôn với anh Âu Lê T là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị Cam Thị H và anh Â Lê T xác định vợ chồng có 01 con chung là Âu Ngọc Phương L, sinh ngày 25/8/2024, hiện nay con đang sống cùng anh T.

Xét thấy con chung còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, đồng thời chị H có nguyện vọng nuôi con. Do đó, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Anh Âu Lê T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Toà án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Cam Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo:

Chị Cam Thị H và anh Â Lê T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Cam Thị H, cho chị Cam Thị H được ly hôn anh Âu Lê T.

2. Về con chung: Giao cho chị Cam Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Âu Ngọc Phương L, sinh ngày 25/8/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

**Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

**Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Âu Lê T có quyền đi lại, thăm nom con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Cam Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000751 ngày 27/02/2026** của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Cam Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. ***Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.***

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV 5 - Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV 5 - Thái Nguyên;
- UBND xã Dân Tiến, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, bộ phận HNGĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn